

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2016.F.1 (2016-2020)

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Hàn Quốc

Ngành: Ngôn ngữ Hàn Quốc - Định hướng Phiên dịch

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các môn học này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đường lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2016-2017

Học Kỳ 1				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	KOR4021	Tiếng Hàn Quốc 1A	4	8
8	KOR4022	Tiếng Hàn Quốc 1B	4	8
9		Ngoại ngữ A1	4	4
Cộng			15	23

Học Kỳ 2				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	LIN1001	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	KOR4023	Tiếng Hàn Quốc 2A	4	8
12	KOR4024	Tiếng Hàn Quốc 2B	4	8
13		Ngoại ngữ A2	5	5
Cộng			16	24

NĂM HỌC 2017-2018

Học Kỳ 3				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	KOR4025	Tiếng Hàn Quốc 3A	4	8
15	KOR4026	Tiếng Hàn Quốc 3B	4	8
16	KOR4027	Tiếng Hàn Quốc 3C	3	6
17		Ngoại ngữ B1	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III)	2	2
	VLF1051	Tiếng Việt thực hành	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 hoặc 5)</i>				
Cộng			16-18	27-29

Học Kỳ 4				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	KOR4028	Tiếng Hàn Quốc 4A	4	8
20	KOR4029	Tiếng Hàn Quốc 4B	4	8
21	KOR4030	Tiếng Hàn Quốc 4C	4	6
22&23		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	
	MAT1078	Thông kê cho KH XH	2	
	MAT1092	Toán cao cấp	4	
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	
	MAT1101	Xác suất thống kê	3	
Cộng			12--18	22--28

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 5				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	KOR3001	Lý thuyết dịch	3	3
25	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
26	KOR3002	Phiên dịch	3	3
27	KOR3003	Biên dịch	3	3
28	KOR2003	Đặt nước học Hàn Quốc 1	3	3
		Môn tự chọn (Khối III)	((2))	((2))
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ môn học tự chọn thuộc khối (III) ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
Cộng			15	15

Học Kỳ 6				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	KOR3004	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
30	KOR3005	Biên dịch chuyên ngành	3	3
31	KOR2002	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3
32&33		Môn tự chọn (Khối IV)	6	6
	KOR2008	Hán tự tiếng Hàn	3	
	KOR2009	Ngôn ngữ học xã hội	3	
	KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	
	KOR2011	Đặt nước học Hàn Quốc 2	3	
	KOR2015	Văn hóa các nước Châu Á	3	
	KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	
	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	
	KOR2007	Hình thái học tiếng Hàn	3	
	KOR2012	Văn học Hàn Quốc 2	3	
Cộng			9--15	9--15

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 7				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
34	KOR2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
35	KOR3049	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
36&37		Môn tự chọn (Khối V.1.2.1)	6	6
	KOR3007	Dịch nâng cao	3	
	KOR3021	Dịch văn bản tin tức báo chí	3	
	KOR3006	Phân tích văn bản dịch	3	
	KOR3009	Dịch văn học	3	
	KOR3010	Dịch phim Hàn Quốc	3	
38		Môn tự chọn (Khối V.1.2.2)	3	3
	KOR3011	Tiếng Hàn kinh tế thương mại	3	
	KOR3012	Tiếng Hàn tài chính ngân hàng	3	
	KOR3013	Tiếng Hàn quản trị kinh doanh	3	
	KOR3014	Tiếng Hàn du lịch khách sạn	3	
	KOR3015	Tiếng Hàn y học	3	
	KOR3016	Tiếng Hàn luật pháp	3	
	KOR3017	Tiếng Hàn hành chính văn phòng	3	
	KOR3018	Tiếng Hàn văn hóa nghệ thuật	3	
	KOR3020	Tiếng Hàn công nghệ thông tin	3	
Cộng			6--15	6--15

Học Kỳ 8				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
39	KOR4001	Thực tập	3	3
40	KOR4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 môn tự chọn (dự kiến môn Tiếng Hàn kinh tế thương mại/ Ngôn ngữ học xã hội)	6	6
Cộng			9	9

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

134

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Hà Lê Kim Anh

Ngô Minh Thủy

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2016.F.1 (2016-2020)

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Hàn Quốc

Ngành: Ngôn ngữ Hàn Quốc - Định hướng Tiếng Hàn Quốc - Du lịch

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các môn học này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2016-2017

Học Kỳ 1				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	KOR4021	Tiếng Hàn Quốc 1A	4	8
8	KOR4022	Tiếng Hàn Quốc 1B	4	8
9		Ngoại ngữ A1	4	4
Cộng			15	23

Học Kỳ 2				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
10	LIN1001	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	KOR4023	Tiếng Hàn Quốc 2A	4	8
12	KOR4024	Tiếng Hàn Quốc 2B	4	8
13		Ngoại ngữ A2	5	5
Cộng			16	24

NĂM HỌC 2017-2018

Học Kỳ 3				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
14	KOR4025	Tiếng Hàn Quốc 3A	4	8
15	KOR4026	Tiếng Hàn Quốc 3B	4	8
16	KOR4027	Tiếng Hàn Quốc 3C	3	6
17		Ngoại ngữ B1	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VL1051	Tiếng Việt thực hành	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
	FL1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 hoặc 5)</i>				
Cộng			16-18	27-29

Học Kỳ 4				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
19	KOR4028	Tiếng Hàn Quốc 4A	4	8
20	KOR4029	Tiếng Hàn Quốc 4B	4	8
21	KOR4030	Tiếng Hàn Quốc 4C	4	6
22	22823	Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	
	MAT1078	Thống kê cho KH.XH	2	
	MAT1092	Toán cao cấp	4	
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	
	MAT1101	Xác suất thống kê	3	
Cộng			12--18	22--28

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 5				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	TOU2001	Nhập môn khoa học du lịch	3	3
25	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
26	KOR3002	Phiên dịch	3	3
27	KOR3003	Biên dịch	3	3
28	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	((2))	((2))
	FL1003	Tư duy phê phán	2	
	FL1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	
	FL1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	
<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ môn học tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>				
Cộng			15	15

Học Kỳ 6				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	KOR2002	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3
30	KOR2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
31	KOR3039	Tiếng Hàn du lịch - khách sạn 1	3	3
32	32833	Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	KOR2008	Hán tự tiếng Hàn	3	
	KOR2009	Ngôn ngữ học xã hội	3	
	KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	
	KOR2011	Đất nước học Hàn Quốc 2	3	
	KOR2015	Văn hóa các nước Châu Á	3	
	KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	
	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	
	KOR2007	Hình thái học tiếng Hàn	3	
	KOR2012	Văn học Hàn Quốc 2	3	
Cộng			9--15	9--15

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 7				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
36	TOU2008	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
37	TOU2009	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3
		Môn tự chọn (V.3.2.1)	6	6
	KOR3022	Địa lý văn hóa du lịch Hàn Quốc	3	
	KOR3041	Tìm hiểu văn hóa truyền thống Hàn Quốc	3	
	KOR3040	Tiếng Hàn du lịch - khách sạn 2	3	
	KOR3029	Kinh tế du lịch Hàn Quốc	3	
	KOR3030	Lịch sử Hàn Quốc	3	
38		Môn tự chọn (V.3.2.2)	3	3
	KOR3046	Chuyên đề nghệ thuật Hàn Quốc	3	
	KOR3044	Văn hóa kinh doanh Hàn Quốc	3	
	KOR3017	Tiếng Hàn hành chính văn phòng	3	
	KOR3031	Nghịệp vụ khách sạn cơ bản	3	
	KOR3032	Nghịệp vụ lễ hành	3	
	KOR3023	Giao tiếp lễ tân	3	
Cộng			6--15	6--15

Học Kỳ 8				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
39	KOR4001	Thực tập	3	3
40	KOR4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 môn tự chọn Khối IV & khối V	6	6
Cộng			9	9

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

134

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Hà Lê Kim Anh

Ngô Minh Thúy

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2016.F.1 (2016-2020)

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Hàn Quốc

Ngành: Ngôn ngữ Hàn Quốc - Định hướng Hàn Quốc học

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ học nào trong không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
		Giáo dục an ninh quốc phòng	8	
		Giáo dục thể chất	4	
		Kỹ năng mềm	3	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng ký học và tích lũy vào bất kỳ học kỳ học nào trong 8 học kỳ của khóa học)				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	
2	PHI1004	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 1	2	
3	PHI1005	Ng. lý CB của CN Mác Lênin 2	3	PHI1004
4	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PHI1005
5	HIS1002	Đg lối lãnh đạo của ĐCSVN	3	POL1001
Tổng tín chỉ tích lũy			13	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHÖI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

NĂM HỌC 2016-2017

Học Kỳ 1				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
6	HIS1052	Cơ sở VH Việt Nam	3	3
7	KOR4021	Tiếng Hàn Quốc 1A	4	8
8	KOR4022	Tiếng Hàn Quốc 1B	4	8
9		Ngoại ngữ A1	4	4
Cộng			15	23

Học Kỳ 2				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
10	LIN1001	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
11	KOR4023	Tiếng Hàn Quốc 2A	4	8
12	KOR4024	Tiếng Hàn Quốc 2B	4	8
13		Ngoại ngữ A2	5	5
Cộng			16	24

NĂM HỌC 2017-2018

Học Kỳ 3				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
14	KOR4025	Tiếng Hàn Quốc 3A	4	8
15	KOR4026	Tiếng Hàn Quốc 3B	4	8
16	KOR4027	Tiếng Hàn Quốc 3C	3	6
17		Ngoại ngữ B1	5	5
18		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2
	VLF1051	Tiếng Việt thực hành	2	
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	
	PHI1051	Logic học đại cương	2	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 hoặc 5)</i>				
Cộng			16-18	27-29

Học Kỳ 4				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
19	KOR4028	Tiếng Hàn Quốc 4A	4	8
20	KOR4029	Tiếng Hàn Quốc 4B	4	8
21	KOR4030	Tiếng Hàn Quốc 4C	4	6
22&23		Môn tự chọn (Khối II)	6	6
	KOR1001	Địa lý đại cương	3	
	MAT1078	Thống kê cho KH XH	2	
	MAT1092	Toán cao cấp	4	
	KOR1002	Môi trường và phát triển	3	
	MAT1101	Xác suất thống kê	3	
Cộng			12--18	22--28

NĂM HỌC 2018-2019

Học Kỳ 5				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
24	KOR3036	Nhập môn xã hội Hàn Quốc	3	3
25	KOR2001	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1	3	3
26	KOR3002	Phiên dịch	3	3
27	KOR3003	Biên dịch	3	3
28	KOR2003	Đất nước học Hàn Quốc 1	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	((2))	((2))
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	
<i>(Sinh viên đã tích lũy môn học tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK3 sẽ không tích lũy HK5)</i>				
Cộng			15	15

Học Kỳ 6				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
29	KOR2002	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 2	3	3
30	KOR3030	Lịch sử Hàn Quốc	3	3
31	KOR3024	Hàn Quốc học 1	3	3
32&33		Môn tự chọn (Khối IV)	6	6
	KOR2008	Hán tự tiếng Hàn	3	
	KOR2009	Ngôn ngữ học xã hội	3	
	KOR2010	Văn học Hàn Quốc 1	3	
	KOR2011	Đất nước học Hàn Quốc 2	3	
	KOR2015	Văn hóa các nước Châu Á	3	
	KOR2024	Ngữ dụng học tiếng Hàn	3	
	KOR2006	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	
	KOR2007	Hình thái học tiếng Hàn	3	
	KOR2012	Văn học Hàn Quốc 2	3	
Cộng			9--15	9--15

NĂM HỌC 2019-2020

Học Kỳ 7				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
34	KOR2004	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
35	KOR3028	Kinh tế - Chính trị Hàn Quốc	3	3
36&37		Môn tự chọn (Khối V.2.1.1)	6	6
	KOR3041	Tìm hiểu văn hóa truyền thống Hàn Quốc	3	
	KOR3043	Văn hóa Hàn Quốc và Hanlyu (Làn sóng Hàn Quốc)	3	
	KOR3042	Văn hóa giao tiếp Hàn - Việt	3	
	KOR3044	Văn hóa kinh doanh Hàn Quốc	3	
	KOR3045	Văn học Hàn Quốc	3	
38		Môn tự chọn (V.2.1.2)	3	3
	KOR3034	Nhập môn Luật Hàn Quốc	3	
	KOR3027	Kỹ năng phân tích và xử lý thông tin	3	
	KOR3026	Hàn Quốc và Bắc Triều Tiên	3	
	KOR3035	Nhập môn tiếng Hàn chuyên ngành	3	
	KOR3025	Hàn Quốc học 2	3	
Cộng			6--15	6--15

Học Kỳ 8				
STT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
39	KOR4001	Thực tập	3	3
40	KOR4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 môn tự chọn khối IV & khối V	6	6
Cộng			9	9

Tổng số tín chỉ toàn khóa:

134

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hương

Hà Lê Kim Anh

Ngô Minh Thủy